TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 4 - 2021
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Hồng Hà và bà Phan Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 24/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc "*Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/3/2021 giữa:

Nguyên đơn: Bà N – sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Thôn P, xã H, thị xã Đ, Phú Yên; có *mặt*.

Bị đơn: Ông D – sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Thôn M, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Yên; v*ắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Nguyên đơn bà N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông D, bà N kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện T, tỉnh Phú Yên năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau lẫn nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ khoảng tháng 3 năm 2018, hai bên tự xa nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Nay, nhận thấy tình cảm đã hết nên bà N xin được ly hôn ông D.

- Về con chung: Có 01 con chung tên K – sinh ngày 02/9/2014. Từ khi hai bên xa nhau, cháu K do bà N nuôi Dưỡng. Bà N xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp Dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn ông D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N, ông D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện T vào ngày 27/8/2013 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Bà N khai trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi nhau và đã tự sống xa nhau từ tháng 3/2018 đến nay, không ai quan tâm ai.

Xét thấy: Ủy ban nhân dân xã Y xác nhận ông D, bà N chung sống có mâu thuẫn là sự thật. Mặt khác, ông D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có ý kiến gì phản bác lại yêu cầu xin ly hôn của bà N.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa ông D, bà N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[3] Về con chung: Xét thấy con chung tên K – sinh ngày 02/9/2014, lâu nay do bà N nuôi Dưỡng, đã quen sống cùng bà N. Do đó, để cháu K phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cần giao cháu K cho bà N trực tiếp nuôi Dưỡng.

Về cấp Dưỡng nuôi con: Bà N làm công nhân, có sức khỏe, đủ khả năng nuôi con và bà N không yêu cầu ông D cấp Dưỡng nuôi con nên không buộc ông D phải cấp Dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung*:* Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn N phải chịu: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà N được ly hôn ông D.

2. Về con chung: Giao con chung tên K – sinh ngày 02/9/2014 cho bà N trực tiếp nuôi Dưỡng, ông D không phải cấp Dưỡng nuôi con.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà N phải chịu: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí về yêu cầu xin ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* mà bà N đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002242 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, bà N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H. Tây Hòa;
- Cục THADS H. Tây Hòa;
- UBND xã Y, huyện T
(GĐKKH số 66/2013, ngày 27/8/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Huệ